THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/1
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Văn học *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đỗ Vũ Mai Anh	9.8	9.3	9.6	9.7	10	9.4	9.8	9.8	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Huỳnh Hùng Anh	6.2	5.9	7.1	6.5	8.9	6.9	7.9	6.5	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Đỗ Thiên Bảo	8.1	7.8	7.9	7.9	9.9	9.2	9.0	8.7	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Ngô Tấn Đạt	9.6	9.4	9.0	9.3	10	7.4	8.8	8.0	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Trần Hoàng Hiếu	5.8	6.5	6.2	6.0	8.8	6.1	7.6	7.9	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
6	Phạm Gia Hoàng	9.0	9.3	9.3	7.7	9.3	6.5	8.7	9.0	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	8.9	8.8	8.9	8.9	9.8	9.2	9.2	8.0	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Văn Nam Khánh	9.1	8.3	8.4	8.4	9.0	7.2	8.9	7.0	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Thế Kiên	6.5	7.3	7.4	7.3	9.4	6.6	8.1	7.0	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Trần Nguyễn Thảo Lam	7.3	8.0	7.2	5.0	8.7	7.1	7.4	7.6	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Dương Lê Trúc Linh	8.6	8.4	8.8	8.6	9.8	9.2	9.2	9.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Đoàn Chánh Chiêu Nghi	7.2	7.5	8.4	8.4	9.7	8.5	8.9	8.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Nguyễn Đình Nhật Nguyên	9.3	8.8	8.1	8.6	9.6	7.4	8.6	8.3	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Lê Ngọc Lam Phương	8.1	8.7	8.5	8.9	9.8	9.7	9.8	9.3	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Lê Ngọc Hoàng Quân	9.6	9.3	8.7	8.3	9.8	8.2	9.2	9.4	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Phạm Minh Quân	7.9	7.4	7.5	7.3	9.4	7.2	8.2	9.4	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Phan Phương Thảo	8.9	9.4	9.1	9.6	10	9.3	9.8	9.0	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Trần Gia Vy	6.0	7.2	5.3	6.0	8.5	6.6	7.1	7.0	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Thuỷ	**Phan Thị Phương**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/2
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Văn học *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phạm Võ Vân Anh	6.0	5.5	5.3	6.1	8.0	5.1	6.4	5.0	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
2	Nguyễn Thị Hải Ba	6.8	8.0	8.9	8.8	10	8.3	9.8	5.7	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Phạm Phú Cường	8.6	7.9	9.2	8.6	9.6	7.5	9.6	7.6	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Lê Thành Duy	8.0	8.8	8.8	9.1	9.4	9.2	9.5	8.2	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Vũ Thị Thùy Dương	7.1	8.2	8.3	8.2	10	7.7	8.9	6.0	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Võ Đức Khải	7.7	6.5	7.8	8.6	8.8	6.1	8.9	7.4	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Lại Dương Minh	8.7	8.8	8.9	8.6	9.9	8.8	9.8	9.5	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Nguyễn Tấn Phúc	9.3	9.2	8.0	8.2	9.8	7.8	8.6	8.7	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Việt Thanh Quang	8.4	8.8	8.3	8.3	9.8	8.5	9.3	8.0	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phạm Minh Quân	7.5	9.1	7.9	8.0	8.0	7.3	8.9	8.3	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Diệp Quốc Thái	8.4	8.3	8.8	8.2	9.6	7.4	8.8	8.8	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Đào Đức Thuận	7.5	7.8	8.3	8.9	8.8	8.1	8.7	9.9	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trương Nguyễn Thanh Toàn	7.7	7.3	7.5	7.5	9.1	6.4	9.4	6.7	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Võ Bảo Uyên	9.2	9.2	9.4	8.4	9.8	9.1	9.5	9.6	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Đặng Bảo Vân	7.1	6.8	7.4	8.6	8.3	8.1	8.5	6.2	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Lương Thị Thúy Vân	7.4	6.5	7.9	8.1	9.2	7.2	8.9	6.8	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Kiều Quốc Vinh	8.2	8.4	9.7	7.5	9.4	7.1	8.7	7.3	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trần Thị Huyền	**Phan Thị Phương**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/3
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Giáo dục kinh tế và pháp luật *Economic and Legal Education*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Hoàng Minh Bảo	7.7	6.7	9.4	7.6	9.0	9.4	6.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	8.7	**Khá**	**Tốt**
2	Trần Hoàng Duy Bảo	9.2	9.4	9.9	9.3	9.1	9.8	10	10	Đạt	Đạt	Đạt	9.6	**Tốt**	**Tốt**
3	Yi Zi Cong	7.3	7.1	7.8	8.8	9.7	9.8	7.4	10	Đạt	Đạt	Đạt	8.8	**Khá**	**Tốt**
4	Nguyễn Việt Hải	6.5	7.5	9.5	8.4	8.7	8.9	7.0	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	9.5	**Tốt**	**Tốt**
5	Hoàng Lưu Ngân Khánh	7.3	7.9	9.8	9.1	9.5	9.9	8.0	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	9.8	**Tốt**	**Tốt**
6	Lê Phùng Đăng Khoa	6.3	7.5	9.2	8.2	9.1	9.6	8.4	10	Đạt	Đạt	Đạt	9.1	**Khá**	**Tốt**
7	Võ Tường Linh	7.6	7.3	9.0	8.0	9.6	9.5	8.8	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	9.0	**Tốt**	**Tốt**
8	Huỳnh Bình Minh	6.9	6.2	8.4	8.4	8.9	9.0	8.5	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	8.4	**Khá**	**Tốt**
9	Nguyễn Thị Phương Nga	7.6	8.3	9.7	6.2	9.4	9.6	6.0	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	9.5	**Khá**	**Tốt**
10	Lưu Bích Ngọc	7.7	6.9	9.6	6.0	9.0	9.3	6.2	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	9.6	**Khá**	**Tốt**
11	Ngô Khánh Ngọc	6.8	7.5	9.8	6.7	9.3	9.2	6.1	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	9.4	**Khá**	**Tốt**
12	Trần Châu Phương Nguyên	6.2	7.4	9.3	6.6	9.6	9.1	5.8	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	9.0	**Khá**	**Tốt**
13	Võ Song Thảo Nguyên	7.9	8.0	9.8	8.8	9.6	9.7	8.4	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	9.7	**Tốt**	**Tốt**
14	Đinh Vương Ngọc Tâm	7.4	7.3	8.7	6.9	9.1	9.3	9.3	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	8.9	**Tốt**	**Tốt**
15	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6.2	5.2	7.7	5.9	7.7	7.9	6.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	7.4	**Khá**	**Tốt**
16	Trần Xuân Yến	6.8	6.0	8.1	9.3	9.4	9.1	9.0	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	8.8	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thu Hà

GĐCTVN/*VP. Manager*

Phan Thị Phương

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà